

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 07-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đình Như
2. Ông Phạm Quốc Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Trụ sở: 266-268 N, phường A, quận B, TP.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Đức T, sinh năm 1986 – Phó phòng giao dịch B. Vắng mặt.

Theo văn bản ủy quyền số 01/2022/QĐ-PGD BL ngày 01/11/2022.

Địa chỉ: Ngân hàng thương mại cổ phần S– phòng giao dịch B số 283 N, KP.P, P.A, TX.B, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1990.

Trú tại: Tổ 1, ấp P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại các bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – anh Lê Đức T trình bày:

Ngày 20/10/2020, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng với anh Nguyễn Văn L, nội dung Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho anh L và cấp hạn mức 15.000.000đ với mục đích tiêu dùng cá nhân. Qua đó, Ngân hàng có cấp cho anh L thẻ tín dụng số 970403-3677 với hạn mức 15.000.000đ. Lãi suất được tính trên từng giao dịch phát sinh từng ngày và theo lãi suất của Ngân hàng áp dụng theo từng thời kỳ khác nhau. Lãi suất trong hạn là 31,2/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 46,8%/năm.

Trong quá trình sử dụng, anh L đã nhiều lần thực hiện giao dịch với tổng số tiền lũy kế là 15.100.000đ và đã thanh toán cho Ngân hàng với số tiền là 8.303.528đ. Lần cuối cùng anh L thực hiện giao dịch là ngày 15/8/2022 thanh toán cho Ngân hàng số tiền 750.000đ. Từ ngày 16/8/2022, anh L không thực hiện giao dịch nào khác và không trả gốc hay lãi vay từ ngày 15/9/2022. Do anh L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 16/9/2022 (tháng 10/2022), ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ bao gồm tiền giao dịch và chi phí, lãi phát sinh tổng cộng 18.412.582đ thành nợ quá hạn và chấm dứt việc sử dụng thẻ của anh L.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc anh L thanh toán số tiền nợ gốc là 18.412.582đ, tiền lãi quá hạn từ ngày 16/9/2022 đến ngày 06/7/2023 là 7.037.184đ, tổng cộng là 25.449.766đ và buộc anh L phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 06/7/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Về cơ bản, Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật, bị đơn không tuân thủ nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc anh L phải trả gốc và lãi vay cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng TMCP S khởi kiện buộc anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại ấp P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước phải trả số tiền gốc và lãi đã vay theo hợp đồng tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng). Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, anh L vắng mặt không có lý do. Tòa án quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng), thể hiện rõ về số tiền vay, lãi suất, phương thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ về phạm vi hoạt động, quy định lãi suất theo Điều 90, 91 của Luật các tổ chức tín dụng, có ký xác nhận thể hiện sự tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật theo Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, xác định Ngân hàng có ký hợp đồng với anh Nguyễn Văn L, qua đó Ngân hàng cấp cho anh L thẻ tín dụng với hạn mức 15.000.000đ. Đến ngày 15/8/2022, anh L đã thực hiện nhiều giao dịch và nợ số tiền 18.412.582đ. Từ ngày 15/9/2022 đến nay, anh L không thanh toán số tiền vay cũng như lãi vay. Do anh L vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển số tiền nợ 18.412.582đ sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu buộc anh L thanh toán tiền gốc và lãi vay là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Đối với số nợ gốc: Tính đến ngày 15/8/2022, anh L giao dịch với số dư nợ là 18.412.582đ. Ngân hàng yêu cầu buộc anh L trả số tiền nợ gốc 18.412.582đ là có căn cứ, được chấp nhận.

Đối với số tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 16/9/2022, số nợ 18.412.582đ của anh L bị chuyển qua nợ quá hạn với mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn là 46,8%/năm tương đương 3,9%/tháng, 0,13%/ngày.

Từ ngày 16/9/2022 đến nay (ngày 06/7/2023), là 9 tháng 21 ngày.

Tiền lãi anh L nợ Ngân hàng là $18.412.582đ \times 3,9\% \times 9 + 18.412.582đ \times 0,13\% \times 21 = 7.145.459đ$

Ngân hàng yêu cầu anh L phải trả số tiền lãi quá hạn 7.037.184đ là thấp hơn số tiền 7.145.459đ, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn, cần chấp nhận.

Tổng số tiền gốc và lãi vay mà anh L phải trả cho Ngân hàng là: 18.412.582đ +7.037.184đ = 25.449.766đ.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, Điều 266; Điều 147 của BLTTDS;

Căn cứ vào Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2].Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc anh Nguyễn Văn L phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 25.449.766đ (hai mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng) trong đó tiền gốc là 18.412.528đ và tiền lãi tính đến ngày 06/7/2023 là 7.037.184đ.

Kể từ ngày 07/7/2023, anh Nguyễn Văn L còn phải trả tiền lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” ngày 20/10/2020 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Văn L phải nộp 1.272.488đ (một triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng). Chi cục thi hành án dân sự huyện H hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 457.800đ (bốn trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm đồng) theo biên lai số 0014380 ngày 18/01/2023.

[4]. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện H
- Chi cục THADS huyện H
- Các đương sự
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải